



QUẢN TRỊ RỦI RO

ThS. NGUYỄN VĂN DŨNG

N gia nhập WTO từ tháng 11/2006 là bước chuyển biến tương đối toàn diện của nền kinh tế VN trong tiến trình hội nhập quốc tế. Bên cạnh những lợi thế từ việc hội nhập, nền kinh tế cũng còn không ít những thách thức phải đối mặt. Trong đó lĩnh vực thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng được đánh giá là lĩnh vực nhạy cảm và chịu tác động rất lớn với rất nhiều thách thức. Khi gia nhập WTO thì sự tác động của khủng hoảng thị trường tài chính sẽ nhanh hơn, sâu rộng hơn với mức độ tác động lớn hơn. Những tác động, ảnh hưởng xấu của khủng hoảng là điều không tốt, tuy nhiên chúng giúp cho thị trường tài chính VN nói chung, thị trường tiền tệ ngân hàng xác định được thực lực đang ở đâu, điểm mạnh yếu như thế nào, khả năng ứng phó tình huống biến động bất thường, năng lực hoạt động, năng lực quản trị hoạt động như thế nào để biết khai thác tối đa những lợi thế, cơ hội; nhận biết những tác động tiêu cực, những diễn biến bất thường của kinh tế thế giới để giảm thiểu và ngăn ngừa những hệ quả xấu của sự tác động. Thực tiễn đã cho thấy sau hơn hai năm gia nhập WTO và dưới sự tác động khủng hoảng của thị trường tài chính thế giới, vừa qua hệ thống ngân hàng đã phải đối mặt với những bất ổn, đó là một số NHTM rơi vào tình trạng khó khăn thanh khoản, có nguy cơ đổ

vỡ. Đây cũng là bài học kinh nghiệm cho hệ thống ngân hàng về vấn đề quản trị rủi ro, quản trị thanh khoản; khả năng ứng phó tình huống.

Do đó, vấn đề quản trị hoạt động ngân hàng là điều tất yếu gắn liền với quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng; trong điều kiện hoạt động cạnh tranh càng cao, rủi ro càng lớn thì quản trị hoạt động ngân hàng càng phải được nâng lên tầm cao hơn. Trong quản trị hoạt động ngân hàng thì quản trị rủi ro là một trong những nội dung quan trọng có tính quyết định đến khả năng hoạt động, tính bền vững và sự phát triển của ngân hàng.

Để thấy được mức độ quan trọng của việc quản trị rủi ro trong thời kỳ khủng hoảng, bài viết này tập trung điểm lại một số tình hình bất ổn của thị trường tiền tệ và khả năng ứng phó tình huống, quản trị rủi ro trong thời gian qua của các NHTM VN để từ đó đặt ra một số vấn đề quan tâm khi xây dựng và thiết lập hệ thống quản trị rủi ro của NHTM.

1. Những diễn biến bất ổn của thị trường tiền tệ - ngân hàng trong thời gian qua

Sự bất ổn này đã thể hiện rất rõ trong năm 2008 dưới sự tác động gián tiếp của khủng hoảng thị trường tài chính thế giới và hệ quả trực tiếp từ sự quản trị rủi ro, quản trị thanh khoản yếu kém trong thời gian dài vừa qua của một số NHTM.

Thứ nhất, những diễn biến kinh tế trái chiều và tác động bất lợi đối với hoạt động ngân hàng:

Sự khủng hoảng từ thị trường tài chính Mỹ đã tác động ảnh hưởng gián tiếp đến thị trường tài chính VN nói chung, thị trường tiền tệ nói riêng. Các NHTM VN đã có lúc đứng trước tình trạng nợ xấu gia tăng vì hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các DN, các khách hàng khó khăn do tình trạng lạm phát nên khả năng trả nợ NH bị giảm sút; nhất là các khoản nợ cho vay đầu tư vào chứng khoán, bất động sản khó thu hồi được khi các thị trường này đi xuống hoặc đang đóng băng.

Thứ hai, diễn biến nghịch lý của thị trường tiền tệ:

- Thị trường liên ngân hàng đã bị "lạm dụng quá mức": Thị trường liên ngân hàng (TTLNH) thực chất là nơi giao dịch vốn nhằm đáp ứng các nhu cầu vốn thanh khoản ngắn hạn của các NHTM nhưng thực tế vừa qua nhiều NHTM đã đẩy nhanh dư nợ cho vay trên thị trường tín dụng

(TTTD) trong khi nguồn vốn huy động từ thị trường này không đáp ứng đủ, do đó các NHTM này đã lạm dụng quá mức nguồn vốn ngắn hạn trên TTLNH để đầu tư cho vay trung dài hạn ở TTTD, biến TTLNH trở thành nơi cung ứng vốn dài hạn cho TTTD. Đây là rủi ro về độ lệch thời gian trong nguồn và sử dụng vốn vừa qua của một số NHTM.

- Lạm lệch mức độ tương ứng giữa lãi suất với kỳ hạn nguồn vốn: Thông thường nguồn vốn có kỳ hạn càng ngắn thì lãi suất càng thấp; nguồn vốn có kỳ hạn càng dài thì lãi suất càng cao. Nhưng thực tế trong năm 2008 vừa qua, khi các NHTM đang đứng trước những khó khăn về vốn, rất nhiều NHTM thiếu vốn, cạnh tranh với nhau để thu hút vốn, kết hợp với yếu tố lạm phát gia tăng nên một số NHTM buộc phải nâng lãi suất huy động lên cao, kỳ hạn vốn huy động càng ngắn, lãi suất càng cao thì mới có thể thu hút được nguồn vốn. Điều này dẫn đến nhiều NHTM mặc dù không có nhu cầu vốn nhưng buộc lòng phải nâng lãi suất huy động lên cao để giữ lại nguồn vốn nếu không vốn sẽ đổ vào những NH có lãi suất cao. Điều lo ngại này vẫn có thể xảy ra nếu trong năm 2009 nhu cầu vốn cho nền kinh tế rất cao trong khi nguồn vốn huy động vào NH có khả năng bị chậm lại khi thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi nên đã thu hút một lượng vào các thị trường này.

- Lãi suất TTLNH cao hơn lãi suất TTTD: Thông thường TTTD là nơi vốn NHTM đầu tư trực tiếp vào nền kinh tế, còn TTLNH là kênh hỗ trợ vốn ngắn hạn cho những NHTM thiếu hụt thanh khoản tạm thời, cho nên lãi suất TTLNH luôn thấp hơn TTTD. Nhưng trong thực tế vừa qua, do nhu cầu vốn quá cao, vừa để trả tiền gửi của khách hàng TTTD, vừa thanh toán vốn trên TTLNH nên các NHTM đã đẩy lãi suất trên TTLNH lên từ 30% đến 40%/năm, đỉnh điểm lên đến 50%/năm trong khi đó lãi suất TTTD cao nhất ở thời điểm này khoảng 24% - 25%/năm. Đây là một nghịch lý về lãi suất giữa các thị trường và rủi ro về lãi suất xảy ra là điều không thể tránh khỏi.

Thứ ba, những nguyên nhân và hệ quả từ sự bất ổn của thị trường tiền tệ:

(1) Bắt đầu từ TTTD với nhu cầu vốn rất cao của một số NHTM kỳ vọng đẩy nhanh tăng trưởng tín dụng qua việc đầu tư cho vay bất động sản, cho vay chứng khoán nhưng khả năng đáp ứng của thị trường này bị hạn chế nên hầu hết các NH chuyển

sang sử dụng nguồn vốn TTLNH để bù đắp sự thiếu hụt vốn ở TTĐD.

(2) Với tác động trên nên nhu cầu vốn TTLNH đã tăng nhanh, tăng cao, đẩy lãi suất tăng cao. Cấu trúc vốn của ngân hàng đã bị thay đổi, tỷ trọng vốn TTLNH trên tổng nguồn vốn của NHTM có khi lên đến gần 50%. Bên cạnh đó, NHTM sẽ có độ lệch về thời gian giữa nguồn (ngắn hạn) và sử dụng vốn (trung dài hạn) nên càng ngày các NHTM rơi vào tình trạng thiếu hụt thanh khoản, do chưa thu hồi được vốn cho vay để trả các khoản huy động và vay đến hạn.

(3) Khi rơi vào tình trạng thiếu hụt thanh khoản càng cao thì nhu cầu vốn càng cao, dẫn đến lãi suất càng cao. Một số NHTM rơi vào "vòng lẩn quẩn": vốn - lãi suất - thanh khoản.

Tất cả những vấn đề trên đều có nguyên nhân từ việc quản trị rủi ro, quản trị thanh khoản, quản trị hoạt động của NHTM còn yếu kém.

(4) hai hướng phát triển trái ngược song hành trong một tổng thể hoạt động ngân hàng:

Hướng tăng trưởng hoạt động ngân hàng với tốc độ cao và tính bất ổn trong hoạt động cũng rất cao bởi sự rủi ro trong cho vay chứng khoán và cho vay bất động sản khi hai thị trường này sau giai đoạn phát triển "nóng" nay đã đóng băng, tác động rất mạnh đến tính thanh khoản của các NHTM trong thời gian vừa qua. Đây là một trạng thái đặc trưng nhất của hệ thống ngân hàng trong thời gian đầu gia nhập WTO và dưới tác động khủng hoảng tài chính. Cho dù tác động theo hướng nào cũng là một dấu hiệu chỉ rõ ngành ngân hàng đang phải đối đầu với những thách thức, những áp lực hoạt động và cạnh tranh khi gia nhập WTO; qua đó, đã đặt ra cho ngành ngân hàng phải biết phân tích, dự đoán đúng và có khả năng xử lý tình huống nhanh.

Sự phát triển nhanh và bất ổn vừa qua của ngành ngân hàng chứng tỏ đã có sự phản ứng thật sự trước sự tác động của hội nhập, như là một "nhiệt kế" đã bộc lộ và chỉ rõ điểm mạnh, điểm yếu, khả năng ứng phó của ngành ngân hàng. Đây là một cảnh báo đặc biệt quan trọng, nghiêm túc trong việc thể hiện thực sự khả năng hội nhập, nhận diện rõ năng lực để tận dụng cơ hội, biết vượt qua thử thách của hệ thống ngân hàng.

(5) Nguồn vốn cho thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, phụ thuộc vào ngân hàng:

Kênh vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán

và thị trường bất động sản gần như chủ yếu dựa vào kênh vốn của ngân hàng. Đến khi nguồn vốn NH cung ứng cho các thị trường này bị cắt giảm bởi nhiều lý do thì các thị trường này rơi vào khó khăn. Qua đó cho thấy đây là một dấu hiệu cảnh báo cho thấy sự phát triển của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản thiếu sự minh bạch và thiếu tính ổn định, nguồn vốn chủ yếu dựa vào vốn ngân hàng; do có sự liên thông giữa hai thị trường trên với thị trường tiền tệ nên diễn biến bất lợi của 2 thị trường này kéo theo sự diễn biến bất lợi cho thị trường tiền tệ, mà sự thiếu hụt thanh khoản vừa qua của NH là một minh chứng về vấn đề này.

2. Những vấn đề rút ra từ khi gia nhập WTO và dưới sự tác động bởi khủng hoảng thị trường tài chính

Thứ nhất, thị phần hoạt động và phân khúc thị trường của hệ thống NHTM thay đổi:

Mỗi hệ thống ngân hàng đều có đặc điểm, điều kiện hoạt động khác nhau, đều có những ưu lợi thế, điểm hạn chế khác nhau. Điểm yếu thế của hệ thống NH này là điểm ưu lợi thế của ngân hàng khác và ngược lại. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, để giữ vững được thị phần đã là khó khăn, tăng trưởng thị phần lại càng khó khăn hơn. Từ khi gia nhập WTO đến nay, với sự thâm nhập mạnh của các NH nước ngoài, với các ưu thế về công nghệ, về dịch vụ, về chiến lược phát triển nên phân khúc thị trường đã có sự thay đổi. Lợi thế của thị trường quốc tế vẫn là thế mạnh của hệ thống ngân hàng nước ngoài. Thị trường tín dụng (huy động vốn và cho vay) đã có sự thay đổi, nếu trước đây là thế mạnh của hệ thống NHTM nhà nước thì nay đã có sự chuyển dịch theo xu hướng thị phần của khối NHTMCP, khối NH nước ngoài tăng mạnh. Với áp lực nâng cao năng lực cạnh tranh, nếu hệ thống NHTM nhà nước không thực sự chuyển biến về mô hình tổ chức hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ và thay đổi phong cách phục vụ thì sẽ mất dần thị phần hoạt động, đây là mối đe dọa đối với hệ thống NHTM nhà nước..

Năng lực cạnh tranh dưới mức trung bình của hệ thống ngân hàng VN sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, sẽ mất dần lợi thế cạnh tranh với khách hàng và hệ thống kênh phân phối.

Thứ hai, tính liên kết hệ thống yếu và khả năng thích ứng thị trường, khả năng phòng ngừa

năng thích ứng thị trường, khả năng phòng ngừa rủi ro của NHTM còn hạn chế:

Đặc điểm của các NHTM VN hiện nay là mỗi ngân hàng có một định hướng phát triển riêng, trên cơ sở thực lực riêng mà chưa có tính liên kết cao, mỗi ngân hàng cạnh tranh theo hướng khác nhau, cho nên việc liên kết, hỗ trợ cho nhau rất yếu khi một ngân hàng có sự cố về thanh khoản.

Khả năng phân tích, dự báo của hệ thống ngân hàng nói riêng, của các định chế tài chính nói chung còn yếu, bên cạnh đó khả năng phòng chống những tình huống bất trắc, rủi ro thị trường chưa được quan tâm, chú trọng. Chính vì vậy, khi nền kinh tế có những rủi ro xảy ra hoặc dưới tác động khủng hoảng tài chính thì khả năng ứng phó, thích ứng thị trường yếu nên rủi ro về thanh khoản, đổ vỡ hệ thống là điều rất dễ xảy ra.

Thứ ba, khả năng quản trị thanh khoản của ngân hàng thương mại còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng các yêu cầu hội nhập:

Trình độ quản trị thanh khoản của một số các ngân hàng thương mại vẫn còn yếu, chưa theo kịp với sự mở rộng và tăng trưởng quy mô hoạt động của chính ngân hàng; chưa lường trước mọi diễn biến của nền kinh tế; do đó khi có thiếu hụt thanh khoản thì khả năng sẵn sàng ứng phó chưa cao. Việc quản trị rủi ro chủ yếu tập trung ở việc quản trị rủi ro tín dụng, còn các hoạt động khác chưa được quan tâm hoặc có biện pháp quản trị hiệu quả.

3. Nhìn nhận thực trạng về quá trình quản trị rủi ro của hệ thống NHTM VN

Tuỳ theo từng thời kỳ phát triển hoạt động ngân hàng mà việc quản trị hoạt động ngân hàng đã có cách thức quản lý khác nhau nhưng nhìn nhận một cách tổng thể các quy định hiện hành chỉ hướng về các chỉ tiêu quản lý điều hành hoạt động nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, khả năng thanh khoản, chưa đưa ra được các chính sách, biện pháp quản trị hệ thống; chưa có một mô thức quản trị ngân hàng phù hợp chuẩn mực Basel.

- Trước khi có Pháp lệnh ngân hàng, tất cả các chỉ tiêu hoạt động đều được kế hoạch hóa, là chỉ tiêu mang tính chất mệnh lệnh phải thực hiện mà chưa đặt ra một cách thức quản trị ngân hàng như thế nào. Như vậy, trong giai đoạn này, việc quản trị ngân hàng được hiểu chính là việc tuân thủ các chỉ tiêu hoạt động, vấn đề hiệu quả hoạt động chưa được quan tâm.

- Từ khi có hai Pháp lệnh ngân hàng, quản trị ngân hàng được bắt đầu quan tâm, chú trọng nhưng chỉ dừng lại ở mức độ là chỉ tiêu an toàn vốn. Chỉ tiêu an toàn vốn được tính trên cơ sở khống chế vốn huy động không quá 20 lần vốn tự có của ngân hàng. Nghĩa là việc quản trị ngân hàng được khống chế mức vốn huy động không quá số lần quy định so với vốn tự có, mà chưa đặt ra các chỉ tiêu an toàn hoạt động khác và chưa hề tính đến chất lượng tài sản có là yếu tố quyết định khả năng thanh khoản và năng lực hoạt động của ngân hàng thương mại.

- Từ khi 2 Luật ngân hàng ra đời, việc quản trị ngân hàng được nâng lên ở tầm cao hơn, các văn bản hướng dẫn Luật các tổ chức tín dụng ra đời, trong đó có một số văn bản quy định về vấn đề an toàn hoạt động đã được thay đổi, điều chỉnh bổ sung nhiều lần cho phù hợp thực tiễn. Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, ngày 19/4/2005 quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng với các tiêu chí về hệ số an toàn vốn, giới hạn tín dụng đối với khách hàng, tỷ lệ về khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn, giới hạn góp vốn mua cổ phần. Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng và các văn bản liên quan. Bên cạnh đó, có văn bản về đánh giá quy mô, năng lực hoạt động, năng lực quản trị điều hành của NHTMCP đó là quyết định 06/2008/QĐ-NHNN, ngày 12/3/2008 về xếp loại NHTMCP. Theo đó, 5 nhóm chỉ tiêu được đánh giá xếp loại: vốn tự có, chất lượng tài sản, năng lực quản trị, kết quả hoạt động kinh doanh, khả năng thanh khoản. Như vậy, việc quản trị ngân hàng đã chú ý rất nhiều đến vấn đề an toàn hoạt động, khả năng thanh khoản, chất lượng tài sản có, đặc biệt là các yếu tố rủi ro trong hoạt động.

Trong những năm gần đây, ngành ngân hàng đã có những cải cách quan trọng theo hướng thị trường và mở cửa khu vực dịch vụ tài chính – ngân hàng trước yêu cầu phát triển kinh tế và gia nhập WTO. Do đó, việc đưa vào áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về hoạt động ngân hàng là hết sức cần thiết. Đáng chú ý là việc áp dụng các nguyên tắc cơ bản của Basel đối với hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng. Do những hạn chế của Basel 1 (áp dụng trên thế giới năm 1988, chỉ quy định quản lý rủi ro tín dụng và quản lý rủi ro

thị trường), Basel 2 (bổ sung thêm quản lý rủi ro hoạt động) được thông qua và vận dụng trên thế giới vào năm 2001. Hiệp ước Basel 2 gồm 3 trụ cột: trụ cột thứ nhất là yêu cầu về vốn tối thiểu; trụ cột thứ hai là cơ quan thanh tra trực tiếp đánh giá mức độ tuân thủ yêu cầu vốn tối thiểu của ngân hàng; trụ cột thứ ba là nguyên tắc thị trường và minh bạch thông tin.

Chuẩn mực Basel quy định việc quản trị chính là: xử lý mối quan hệ Hội đồng quản trị và Ban điều hành; tăng cường tính minh bạch; tăng cường năng lực giám sát Hội đồng quản trị. Như vậy, điều đó có nghĩa rằng ngoài các chỉ tiêu quản trị mang tính định lượng, còn phải xác định được các mối quan hệ giữa bộ phận quản lý và bộ phận điều hành theo một chuẩn mực, có tính minh bạch sao cho đạt mục tiêu của ngân hàng; nhưng trong thực tế, việc quản trị rủi ro không thực hiện căn bản được, quyền lực thực tế ban điều hành lớn hơn hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị chủ yếu thông qua nghị quyết, mà nghị quyết được định hướng bởi tổng giám đốc. Báo cáo hạch toán thông qua ban điều hành, sau đó Ban điều hành gửi đến Hội đồng quản trị nên thành ra vô ý nghĩa, không minh bạch.

4. Những thách thức và những vấn đề cần quan tâm trong việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của NHTM thời kỳ hậu WTO và dưới sự tác động khủng hoảng tài chính

a. Hai thách thức của việc thiết lập và xây dựng hệ thống quản trị ngân hàng:

- Thứ nhất, phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là có được những giám đốc điều hành có tri thức, sự độc lập và công minh. Hiện nay để tìm kiếm những giám đốc có trình độ năng lực giỏi không khó, nhưng cái khó là người đó phải có bản lĩnh và sự quyết đoán trong điều hành. Thực tế giám đốc là những người làm thuê nên thường có tâm lý chỉ làm theo những yêu cầu của Hội đồng quản trị mà thiếu đi sự quyết đoán, công minh.

Nguồn nhân lực quản trị điều hành phải có được sự cân bằng giữa kiến thức kinh doanh tổng quát và kiến thức chuyên môn, đây là hai vấn đề quan trọng có sự hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Kiến thức tổng quát sẽ giúp ích rất nhiều trong việc có tầm nhìn, định hướng tổng quan chung, và kiến thức chuyên môn, cụ thể sẽ giúp đặt vấn đề đúng, giải quyết vấn đề nhanh, hiệu quả.

- Thứ hai, phải có năng lực vốn mạnh vừa để đảm bảo đáp ứng yêu cầu về quy mô hoạt động cạnh tranh vừa để trang bị được công nghệ hiện đại. Theo đó, công nghệ phải đáp ứng yêu cầu quản lý dữ liệu tập trung, quản trị hoạt động, tạo tiện ích cho các sản phẩm dịch vụ ngân hàng...

Do đó, nếu giải quyết được hai vấn đề thách thức này thì cơ bản việc quản trị ngân hàng nói chung, quản trị rủi ro nói riêng sẽ đạt được hiệu quả cao hơn.

b. Sáu vấn đề quan tâm khi thiết lập và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro:

- Thứ nhất, nghiên cứu các chuẩn mực quốc tế để thiết lập hệ thống quản trị rủi ro với các chỉ tiêu định lượng và định tính; các mối quan hệ giữa các chỉ tiêu quản trị. Trong đó tập trung quản trị rủi ro về hoạt động như rủi ro tín dụng, rủi ro kinh doanh ngoại tệ, rủi ro thanh khoản; rủi ro tài sản cố - tài sản nợ; rủi ro về thị trường như quản trị rủi ro về lãi suất, tỷ giá; rủi ro về cơ chế chính sách, môi trường pháp lý; rủi ro về nhân sự; ... Đặc biệt tập trung quản trị cấu trúc vốn là vấn đề quan trọng cũng là bài học kinh nghiệm cho các NHTM VN trong thời gian vừa qua.

Việc áp dụng Basel 2 đối với các NHTM VN sẽ đáp ứng các yêu cầu và mang lại hiệu quả cao về quản lý rủi ro. Tuy nhiên, đòi hỏi chi phí khá cao, các NHTM phải sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, bao gồm các quy trình, thủ tục và công nghệ thông tin để đánh giá khách hàng với mức độ rủi ro tín dụng khác nhau. Khi đó, các ngân hàng nhỏ sẽ chịu chi phí đầu vào tăng, nên lãi suất đầu ra sẽ tăng hoặc chênh lệch lãi sẽ giảm gây ảnh hưởng bất lợi đến lợi nhuận của ngân hàng

- *Thứ hai*, song hành với hệ thống chỉ tiêu quản trị rủi ro, sự cần thiết và hết sức quan trọng đó là các NHTM phải xây dựng hệ thống thông tin phân tích, đánh giá diễn biến thị trường, phòng ngừa rủi ro và dự báo xu hướng phát triển thị trường để hỗ trợ đắc lực cho hệ thống quản trị rủi ro. Có biện pháp kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo rằng các thông tin quản lý đưa ra là kịp thời, phù hợp, được tổ chức thực hiện, nếu có sai sót thì phải sửa chữa, điều chỉnh, tăng cường hiệu quả quản lý.

- Thứ ba, ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại là vấn đề cực kỳ quan trọng. Bởi vì công nghệ là cơ sở nền tảng kỹ thuật để xây dựng và thiết lập một hệ thống quản trị ngân hàng. Theo đó,

dữ liệu sẽ được quản lý tập trung; các rủi ro sẽ lượng hóa thành các chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể. Bên cạnh đó NHTM sẽ thiết lập một hệ thống phòng ngừa và dự báo rủi ro. Một trong những vấn đề quan trọng hiện nay là các NHTM đã và đang xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng trên nền tảng công nghệ.

- *Thứ tư*, nền tảng cơ bản của sự ổn định tài chính đó là: sự lãnh đạo đúng đắn ở cấp lãnh đạo; các quyết định đúng hướng, phù hợp, có sự kiểm soát phù hợp; luôn đáp ứng các quy tắc hiệu quả của thị trường. Quản trị hoạt động hiệu quả thông qua sự lãnh đạo của Ban điều hành: Giám đốc điều hành phải có trình độ quản lý, kinh nghiệm và năng lực thực tiễn. Người lãnh đạo phải đưa ra chiến lược và chiến lược phát triển phải gắn kết với kế hoạch kinh doanh; có sự phân chia rõ ràng trách nhiệm và nghĩa vụ. Quan trọng là người lãnh đạo điều hành phải nhận thấy được các vấn đề quản lý rủi ro có liên quan đến mục tiêu doanh thu và tăng trưởng của ngân hàng.

- *Thứ năm*, đối với việc quản lý, yêu cầu phải đưa ra chiến lược kinh doanh có tầm nhìn trung và dài hạn, không phải chỉ đạt được lợi ích trước mắt, hiệu quả tức thời mà phải tính hiệu quả có tính ổn định và bền vững, đạt được mục tiêu kinh doanh. Song bên cạnh đó, phải theo dõi thực hiện các quyết định hàng ngày, đảm bảo các quyết định đó hướng đến các mục tiêu dài hạn và các chính

sách của ban điều hành.

- *Thứ sáu*, quản trị ngân hàng phải đi liền với văn hóa doanh nghiệp hay nói cụ thể hơn đó là văn hóa ngân hàng; mà văn hóa ngân hàng được quyết định bởi Hội đồng quản trị và Ban điều hành có trình độ, năng lực và kinh nghiệm thực tiễn. Thể hiện cuối cùng của văn hóa ngân hàng chính là hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng. Văn hóa ngân hàng đã trở thành vấn đề quan trọng không thể thiếu được của ngân hàng, thể hiện phong cách, uy tín và năng lực hoạt động của ngân hàng■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngân hàng Nhà nước TP.HCM, *Báo cáo tình hình thị trường tiền tệ trên địa bàn TP.HCM của các tháng trong năm 2008*.
2. Ngân hàng Nhà nước TP.HCM, *Báo cáo tình hình hoạt động ngân hàng trên địa bàn TP.HCM của các tháng trong năm 2008, 2009*.
3. Ngân hàng Nhà nước, *Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, ngày 19/4/2005 quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng; Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng quỹ dự phòng*.

